

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

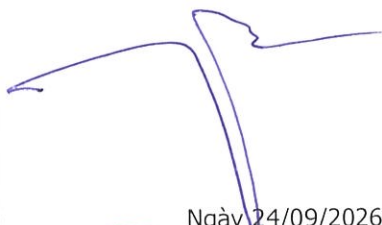
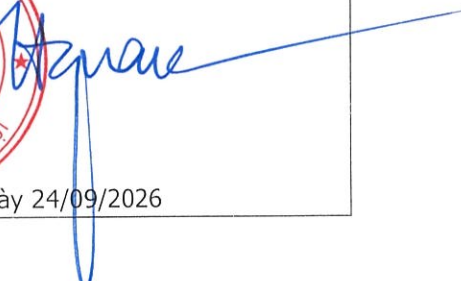
Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2026/NQ-HDQT ngày 18/09/2026 của Hội Đồng Quản Trị



Ngày hiệu lực: 24/09/2026

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HĐQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

BẢNG KIỂM SOÁT

Biên soạn	Chữ ký
Nguyễn Trát Minh Phương Tuân thủ	 Ngày 24/09/2026
Rà soát	Chữ ký
Trần Thị Vân Kiểm soát nội bộ	 Ngày 24/09/2026
Kiểm duyệt	Chữ ký
Nguyễn Chí Thành Tổng Giám Đốc	 Ngày 24/09/2026
Phê duyệt	Chữ ký
Nguyễn Hồng Quân Chủ tịch HĐQT	 Ngày 24/09/2026



Bảng theo dõi phiên bản ban hành

STT	Số văn bản	Phiên bản	Ngày ban hành	Ghi chú
1	04/2021/QĐ-HĐQT	01	05/05/2021	Thay thế
2	01/2026/TPS/QC-CBTT.HĐQT	02	24/09/2026	Ban hành mới

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HDQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

MỤC LỤC

CƠ SỞ PHÁP LÝ:	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ	4
Điều 3. Quy định chung về việc thực hiện công bố thông tin	5
Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin	6
Điều 5. Tài liệu công bố thông tin	7
Điều 6. Phương tiện và cách thức gửi thông tin công bố	7
Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin	9
Điều 8. Nội dung công bố thông tin	9
Điều 9. Quy trình công bố thông tin	9
Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan đến thực hiện công bố thông tin	10
Điều 11. Tổ chức thực hiện, xử lý vi phạm	11
Điều 12. Hiệu lực thi hành	11
PHỤ LỤC: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	12
Mục 1. Nội dung công bố thông tin của Công Ty	12
Điều 1. Công bố thông tin định kỳ	12
Điều 2. Công bố thông tin bất thường	13
Điều 3. Công bố thông tin theo yêu cầu	16
Điều 4. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công Ty	16
Điều 5. Công bố thông tin khi Công Ty phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng	17
Điều 6. Công bố thông tin khi công ty niêm yết trái phiếu doanh nghiệp	18
Mục 2. Nội dung công bố thông tin của đối tượng công bố thông tin khác (cổ đông lớn, người có liên quan, người nội bộ)	18
Điều 7. Công bố thông tin của cổ đông lớn và nhóm người có liên quan	18
Điều 8. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công Ty và người có liên quan của người nội bộ	18
Điều 9. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai	20
Mục 3. Chế độ báo cáo	20
Điều 10. Chế độ báo cáo	20

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HĐQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

CƠ SỞ PHÁP LÝ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Điều Lệ Công Ty**");
- Luật Chứng Khoán 2019 và các văn bản luật sửa đổi, bổ sung ("**Luật Chứng Khoán**");
- Luật Doanh Nghiệp 2020 và các văn bản luật sửa đổi, bổ sung ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ("**Thông Tư 96**");
- Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán ("**Thông Tư 121**");
- Thông tư 18/2025/TT-BTC ngày 26/4/2025 của Bộ Tài chính cập nhật bổ sung Thông tư 96/2020/TT-BTC ("**Thông tư 18**");
- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con;
- Quyết định số 24/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết;
- Thông tư 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;
- Các văn bản pháp luật khác và quy định nội bộ của Công Ty có liên quan.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Quy Chế Công Bố Thông Tin này ("**Quy Chế**") quy định về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công Ty và các đối tượng công bố thông tin khác có liên quan theo quy định của pháp luật về chứng khoán, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm nhưng không giới hạn Thông Tư 96, Quy chế công bố thông tin của SGDCK, quy định công bố thông tin liên quan đến việc phát hành và giao dịch trái phiếu và/hoặc quy định của pháp luật khác có liên quan có hiệu lực thi hành tại từng thời điểm.
- Đối tượng áp dụng:
 - Công Ty, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ;
 - Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan đến việc sở hữu, nắm giữ và/hoặc giao dịch cổ phiếu của Công Ty (mã cổ phiếu ORS);

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HDQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

- c. Tổ chức, cá nhân và/hoặc đối tượng công bố thông tin khác thuộc trường hợp phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công Ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy Chế này, các từ/thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công Ty hoặc TPS là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong.
2. UBCKNN là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
3. VSDC là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
4. Quy chế công bố thông tin của SGDCK là Quy chế công bố thông tin và các quy chế, quy định khác điều chỉnh/quy định việc báo cáo, công bố thông tin do Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và/hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành, tùy từng trường hợp áp dụng.
5. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:
 - a. Nhà đầu tư là người nội bộ của Công Ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty;
 - c. Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Công Ty (nếu có);
 - d. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty;
 - e. Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty;
 - f. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công Ty.
6. Người nội bộ của Công Ty là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công Ty theo quy định tại Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng Khoán, bao gồm:
 - a. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - b. Người đại diện theo pháp luật;
 - c. Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Giám Đốc Chi Nhánh, Kế Toán Trưởng;
 - d. Trưởng Ban Kiểm Soát, thành viên Ban Kiểm Soát;
 - e. Thành viên Ban Kiểm Toán Nội Bộ;
 - f. Thư ký công ty;
 - g. Người phụ trách quản trị công ty;
 - h. Người được ủy quyền công bố thông tin;
 - i. Các cá nhân khác theo quy định của pháp luật.
7. Người có liên quan của người nội bộ là cá nhân, tổ chức và người nội bộ của Công Ty có quan hệ với nhau trong các trường hợp quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán.
8. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Quy Chế này.
9. Ngày báo cáo là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin theo quy định của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo, tùy theo thời điểm nào đến trước.

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HĐQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

10. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng Khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.
11. Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán được xác định như sau:
 - a. Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
 - b. Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;
 - c. Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua VSDC;
 - d. Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - e. Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại Công Ty trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua VSDC và không thực hiện qua SGDCK.
12. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:
 - a. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
 - b. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
 - c. Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;
 - d. Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại VSDC trong trường hợp giao dịch thực hiện qua VSDC;
 - e. Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - f. Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua VSDC và không thực hiện qua SGDCK.
13. Bản cung cấp thông tin là mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành theo Thông Tư 96.
14. Giấy ủy quyền công bố thông tin là mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành theo Thông Tư 96.

Điều 3. Quy định chung về việc thực hiện công bố thông tin

1. Công Ty thực hiện công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nơi chứng khoán đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch. Các đối tượng công bố thông tin khác (không phải Công Ty) thực hiện công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nơi chứng khoán đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch.
2. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật, bao gồm Thông Tư 96, Quy chế công bố thông tin của SGDCK và quy định khác có liên quan. Thông tin công bố cần phải rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây hiểu nhầm cho cổ đông và công chúng đầu tư. Các thông tin công bố cần được thực hiện đúng biểu mẫu quy định, rõ ràng, chính xác, trung thực. Công bố thông tin được thực hiện đối với các thông tin liên quan đến hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc thông tin thuộc phạm vi phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
3. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, các đối tượng công bố thông tin công bố nội dung thay đổi và gửi công văn kèm theo thông tin đính chính đến UBCKNN, SGDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin.

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HĐQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm Căn cước công dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể có liên quan đồng ý.
5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 nêu trên và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai thông tin này thì phải gửi UBCKNN, SGDCK 02 bản tài liệu công bố thông tin, trong đó 01 bản thể hiện đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản tài liệu không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN, SGDCK thực hiện công khai thông tin.
6. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:
 - a. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu trữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu trữ trên trang thông tin điện tử của các đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
 - b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.
7. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là tiếng Việt và tiếng Anh được quy định cụ thể như sau:
 - a. Từ ngày 01/01/2025, đối với công bố thông tin định kỳ, Công Ty phải sử dụng đồng thời tiếng Việt và tiếng Anh.
 - b. Từ ngày 01/01/2026, đối với công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu và công bố thông tin về các hoạt động khác của Công Ty, Công Ty phải sử dụng đồng thời tiếng Việt và tiếng Anh. Đối với thông tin công bố bằng tiếng Anh, nội dung công bố thông tin bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung công bố thông tin bằng tiếng Việt đã công bố, trong đó nội dung tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo.
8. Các đối tượng thực hiện công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin công bố, chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công Ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Công Ty.
 - a. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt, các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.
 - b. Công Ty phải báo cáo/dăng ký, báo cáo lại/dăng ký lại thông tin cho UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin và Bản cung cấp thông tin về người thực hiện công bố thông tin.
2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, VSDC hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:
 - a. Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho UBCKNN, SGDCK kèm theo Bản cung cấp thông

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HDQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

tin là mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành theo Thông Tư 96 và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên.

- b. Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
 - c. Cá nhân phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người được ủy quyền công bố thông tin cho Công Ty, UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người được ủy quyền công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin là mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành theo Thông Tư 96 và Bản cung cấp thông tin là mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành theo Thông Tư 96.
3. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông Tư 96 và quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 5. Tài liệu công bố thông tin

1. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản giấy:
 - a. Văn bản giấy phải đầy đủ nội dung và hợp lệ theo quy định của pháp luật. Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ.
 - b. Yêu cầu đối với văn bản hợp lệ:
 - Đối với văn bản giấy của cá nhân: Văn bản có họ tên, chữ ký của cá nhân;
 - Đối với văn bản giấy của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm: chức vụ, họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu.
2. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản, dữ liệu điện tử: Các đối tượng công bố thông tin gửi thông tin công bố dưới dạng; văn bản, dữ liệu điện tử đến SGDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về văn bản điện tử và các hướng dẫn sau:
 - a. Văn bản, dữ liệu điện tử có định dạng doc/docx/xls/xlsx/pdf (sử dụng bảng mã Unicode);
 - b. Trường hợp SGDCK nơi tiếp nhận thông tin công bố có quy định khác về định dạng thông tin công bố thì thực hiện theo quy định tại SGDCK đó.
3. Biểu mẫu thực hiện công bố thông tin được quy định tại Thông Tư 96, theo quy định/yêu cầu của UBCKNN, SGDCK và/hoặc theo văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Phương tiện và cách thức gửi thông tin công bố

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:
 - a. Trang thông tin điện tử (website) của Công Ty;
 - b. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
 - c. Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế công bố thông tin của SGDCK;
 - d. Trang thông tin điện tử của VSDC;
 - e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử...).
2. Cách thức gửi thông tin công bố:

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HĐQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

- a. Trường hợp đã đăng ký sử dụng hệ thống công bố thông tin điện tử: Công Ty và các đối tượng công bố thông tin khác thực hiện theo quy định của Thông Tư 96 và theo hướng dẫn sử dụng hệ thống công bố thông tin điện tử của SGDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin.
 - b. Trường hợp không thể gửi thông tin công bố qua hệ thống công bố thông tin điện tử vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số, tạm ngưng hoạt động theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền..., Công Ty và các đối tượng công bố thông tin khác thực hiện có trách nhiệm gửi thông tin công bố bằng văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại SGDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin; đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử qua thư điện tử đúng thời hạn quy định và thông báo ngay cho SGDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin biết lý do không thể thực hiện gửi thông tin công bố qua hệ thống công bố thông tin điện tử để SGDCK hướng dẫn hoặc khắc phục sự cố (nếu cần).
 - c. Trường hợp chưa đăng ký sử dụng hệ thống công bố thông tin điện tử: Đối tượng công bố thông tin gửi thông tin công bố đồng thời dưới hình thức văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại SGDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin kèm theo tệp tin dữ liệu điện tử tới địa chỉ thư điện tử của SGDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin.
3. Việc thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty được thực hiện như sau:
- a. Công Ty phải lập trang thông tin điện tử để thực hiện công bố thông tin, bao gồm công bố thông tin trong trường hợp Công Ty chào bán cổ phiếu ra công chúng, phát hành trái phiếu ra công chúng, niêm yết trái phiếu doanh nghiệp, niêm yết cổ phiếu và/hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu, trái phiếu...
 - b. Công Ty báo cáo UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc ngày thay đổi về địa chỉ trang thông tin điện tử này.
 - c. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp (nếu có) và mọi thay đổi liên quan đến các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều Lệ Công Ty, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động công bố thông tin khác quy định của pháp luật.
 - d. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải bảo đảm nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử.
4. Công Ty với tư cách là công ty đại chúng, tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng, tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng, công ty chứng khoán, thành viên giao dịch của SGDCK, thành viên lưu ký của VSDC phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin trên các phương tiện quy định tại Khoản 1 Điều này tùy theo quy định của pháp luật trong từng trường hợp cụ thể.
5. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công Ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
6. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, hệ thống công bố thông tin của SGDCK được thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
7. Đối tượng công bố thông tin không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo

T. Y. V. Á. NG. H.

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HDQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

quy định tại Khoản 1 Điều này và bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về văn bản điện tử, trừ trường hợp cơ quan thẩm quyền có yêu cầu khác.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

- Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn...). Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay sau khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin
- Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 8. Nội dung công bố thông tin

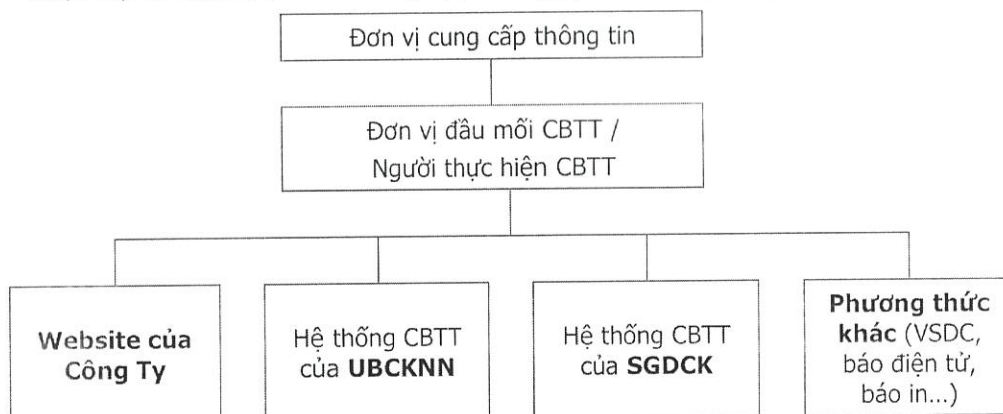
Quy định chi tiết tại Phụ Lục đính kèm Quy Chế này.

CHƯƠNG III

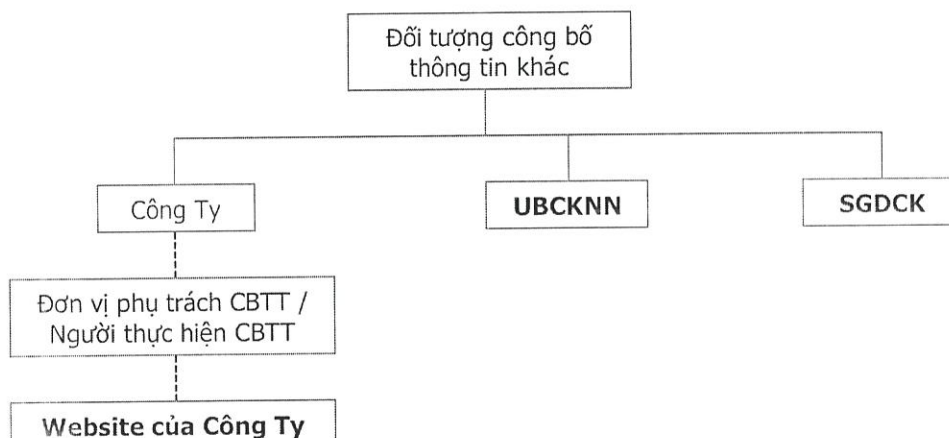
QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 9. Quy trình công bố thông tin

- Quy trình thực hiện công bố thông tin của Công Ty: Thực hiện theo Quy trình công bố thông tin được cấp có thẩm quyền của Công Ty phê duyệt/ban hành tại từng thời điểm.



- Quy trình thực hiện công bố thông tin của đối tượng công bố thông tin khác



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HĐQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

Ghi chú:

- _____ : Gửi tài liệu công bố thông tin bằng văn bản qua đường bưu điện qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Công Ty, UBCKNN, SGDCK kèm theo tệp tin dữ liệu điện tử đến địa chỉ thư điện tử của nơi có nghĩa vụ công bố thông tin.
- - - - - : Đơn vị đầu mối CBTT / Người thực hiện CBTT tiếp nhận tài liệu công bố thông tin bằng từ đối tượng công bố thông tin khác, thực hiện rà soát và công bố thông tin lên website Công Ty.
- Mục 1 Điều này: tài liệu lưu trữ báo cáo là tệp dữ liệu điện tử có ký số của công ty. Bản cứng được lưu trữ tại đơn vị phát hành báo cáo của TPS.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan đến thực hiện công bố thông tin

1. Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị
 - a. Chịu trách nhiệm giám sát việc công bố thông tin của Công Ty.
 - b. Phê duyệt các nội dung công bố thông tin thuộc thẩm quyền (như nghị quyết, chiến lược, thay đổi nhân sự cấp cao...).
 - c. Hỗ trợ, phối hợp với Ban Điều hành và đơn vị phụ trách công bố thông tin, người thực hiện công bố thông tin trong trường hợp các thông tin, sự kiện đặc biệt, quan trọng của Công Ty.
2. Trách nhiệm của Tổng Giám Đốc
 - a. Xây dựng, ban hành Quy trình công bố thông tin của Công Ty phù hợp với Quy Chế này và quy định của pháp luật có liên quan.
 - b. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công bố thông tin của Công Ty theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công Ty.
 - c. Phê duyệt nội dung thông tin trước khi công bố đối với các thông tin định kỳ và bất thường thuộc thẩm quyền.
 - d. Chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp và cung cấp thông tin kịp thời cho đơn vị phụ trách công bố thông tin.
3. Trách nhiệm của các đơn vị cung cấp thông tin
 - d. Cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực, kịp thời cho đơn vị phụ trách công bố thông tin, khi có yêu cầu hoặc khi phát sinh thông tin, sự kiện cần công bố thông tin.
 - e. Phối hợp rà soát, đối chiếu, xác nhận số liệu và nội dung thông tin trước khi công bố, bảo đảm tính chính xác và thống nhất giữa các báo cáo, số liệu kế toán, tài chính, pháp lý và hoạt động của Công Ty.
 - f. Chủ động thông báo cho đơn vị phụ trách công bố thông tin khi phát sinh các thông tin, sự kiện bất thường hoặc thông tin, sự kiện có thể ảnh hưởng đến nhà đầu tư, cổ đông.
 - g. Chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền của Công Ty về nội dung thông tin do đơn vị mình cung cấp.
 - h. Đối với các sự kiện cần công bố thông tin bất thường hoặc theo yêu cầu, đầu mối phát sinh sự kiện cần công bố phải chủ động cung cấp thông tin cho người thực hiện công bố thông tin trước 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện phải công bố thông tin.
4. Trách nhiệm của đơn vị phụ trách công bố thông tin và người thực hiện công bố thông tin
 - a. Tuân thủ quy định pháp luật về công bố thông tin; thực hiện công bố thông tin trung thực, đầy đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật.

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HĐQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

- b. Bảo đảm tính chính xác và thống nhất của thông tin công bố với các thông tin, báo cáo, dữ liệu nội bộ.
- c. Bảo mật thông tin chưa công bố, không tiết lộ hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác, ngoại trừ thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công Ty.
- d. Lưu trữ đầy đủ hồ sơ công bố thông tin, sẵn sàng cung cấp khi có yêu cầu.
- e. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan để thu thập, xác minh thông tin phục vụ công bố.
- f. Chịu trách nhiệm giải trình với cơ quan có thẩm quyền và cấp có thẩm quyền của Công Ty về nội dung thông tin đã công bố.
- g. Cập nhật văn bản pháp luật mới, tuân thủ và đề xuất điều chỉnh quy chế, quy trình công bố thông tin khi cần thiết.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện, xử lý vi phạm

1. Công Ty công bố Quy Chế này trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty trước khi thực hiện và gửi/báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Các đối tượng công bố thông tin có hành vi vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.
3. Người thực hiện công bố thông tin, đơn vị đầu mối phụ trách công bố thông tin, đơn vị cung cấp thông tin và/hoặc các đơn vị, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện công bố thông tin theo quy định của Quy Chế này.
4. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm công bố thông tin của từng trường hợp cụ thể và căn cứ vào Quy Chế này và các quy định, quy trình có liên quan của Công Ty, cấp có thẩm quyền của Công Ty quyết định hình thức xử lý vi phạm đối với các đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện công bố thông tin của Công Ty theo thẩm quyền, quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công Ty có liên quan.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Quy Chế này có hiệu lực thi hành **kể từ ngày 24 tháng 09 năm 2026**.
2. Trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin mà chưa được quy định trong Quy Chế này hoặc có các quy định pháp luật mới ban hành khác với Quy Chế này hoặc có các văn bản pháp luật mới thay thế cho các văn bản pháp luật được tham chiếu trong Quy Chế này thì việc công bố thông tin được ưu tiên thực hiện tuân thủ theo các quy định pháp luật đó.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy Chế này do Hội Đồng Quản Trị quyết định.
4. Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin và các đơn vị, cá nhân có liên quan của Công Ty chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công Ty; và các đối tượng công bố thông tin khác (cổ đông lớn, người nội bộ của Công Ty và người có liên quan của người nội bộ...) chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của mình theo quy định của Quy Chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Như Khoản 4 Điều 12 (để thực hiện);
- HĐQT (để báo cáo);
- Lưu: VP. HĐQT.

(đã ký)

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HĐQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

NGUYỄN HỒNG QUÂN

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HDQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

PHỤ LỤC: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Mục 1. Nội dung công bố thông tin của Công Ty

Điều 1. Công bố thông tin định kỳ

1. Công Ty phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét:
 - a. Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", được lập theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này;
 - b. Toàn văn báo cáo tài chính quý đã được soát xét phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công Ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;
 - c. Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý là trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.
2. Công Ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận:
 - a. Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ bao gồm báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công Ty;
 - b. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công Ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;
 - c. Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét là trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.
3. Công Ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:
 - a. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
 - b. Công Ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công Ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;
 - c. Công Ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này, Công Ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - c. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HĐQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

5. Công Ty phải công bố báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6 đã được soát xét và tại ngày 31/12 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận cùng thời điểm với việc công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.
6. Công Ty phải lập Báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông Tư 96 và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
7. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.
8. Công bố thông tin về họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên:
 - a. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu Điều Lệ Công Ty không quy định thời hạn dài hơn, Công Ty phải công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty và của UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);
 - b. Biên bản họp, nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin trong thời hạn quy định.
9. Công Ty phải công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị Công Ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông Tư 96 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

Điều 2. Công bố thông tin bất thường

1. Công Ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a. Tài khoản của Công Ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại Điểm này;
 - b. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công Ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
 - c. Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc hủy niêm yết, Công Ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
 - d. Quyết định mua lại cổ phiếu của Công Ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
 - e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
 - f. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HDQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

đổi tên Công Ty, con dấu của Công Ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;

- g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
- h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;
- i. Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người nội bộ của Công Ty và người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công Ty;
- j. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
 - (i) Trường hợp Công Ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công Ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
 - (ii) Trường hợp Công Ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công Ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;
 - (iii) Trường hợp Công Ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công Ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công Ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;
- k. Công Ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công Ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty). Đồng thời, Công Ty gửi cho UBCKNN, SGDCK kèm theo Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có);
- l. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng tài sản của Công Ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét;
- m. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công Ty, người nội bộ của Công Ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công Ty;
- n. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công Ty; quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
- o. Công Ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- p. Trường hợp Công Ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công Ty, Công Ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
- q. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công Ty;
- r. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài;

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HDQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

- s. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
 - t. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công Ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất);
 - u. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn);
 - v. Khi nhận được quyết định của UBCKNN về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công Ty, chi nhánh, người hành nghề chứng khoán của Công Ty, chi nhánh; Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
 - w. Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến người hành nghề chứng khoán của Công Ty, chi nhánh;
 - x. Khi nhận được quyết định của UBCKNN về việc đặt Công Ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động;
 - y. Khi nhận được quyết định của UBCKNN chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
 - z. Khi nhận được quyết định của UBCKNN chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh;
 - aa. Khi nhận được quyết định của UBCKNN về chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài;
 - bb. Khi hoàn tất các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng; các giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng;
 - cc. Khi Công Ty tự nguyện chấm dứt, ngừng cung cấp một trong các sản phẩm, dịch vụ, nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
 - dd. Khi Công Ty bị sự cố công nghệ thông tin làm ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng.
2. Khi công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Công Ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
 3. Công bố thông tin về họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - a. Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định;
 - b. Trường hợp lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng văn bản, tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều Lệ Công Ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công Ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HDQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:
 - a. Công Ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại Điểm b khoản này;
 - b. Công Ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công Ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định.
6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác: Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công Ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 3. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công Ty phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi có thông tin liên quan đến Công Ty, chi nhánh ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công Ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 4. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công Ty

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn: Công Ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.
2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Công Ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công Ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty, SGDCK, VSDC và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ:
 - a. Trường hợp Công Ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.
 - b. Trường hợp Công Ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công Ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.
4. Công Ty phải công bố thông tin hoạt động trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN và 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến chính thức hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của Công Ty.

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HDQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

5. Công Ty phải công bố thông tin tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch và đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty về các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của Công Ty. Trường hợp cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ, Công Ty phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ, bao gồm yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ.
6. Khi thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố của khách hàng là người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, Công Ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty. Sau khi giao dịch được thực hiện, Công Ty phải thông báo về kết quả giao dịch cho khách hàng chậm nhất vào cuối ngày giao dịch để khách hàng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Điều 33 Thông Tư 96.
7. Công Ty là tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.
8. Công bố thông tin liên quan đến việc thanh toán/giao dịch không đủ tiền của nhà đầu tư nước ngoài:
 - a. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thực hiện thanh toán tiền mua cổ phiếu cho Công Ty theo quy định tại các khoản 6, 7, 8 Điều 40k
 - b. Thông tư số 119/2020/TT-BTC, Công Ty phải công bố thông tin;
 - c. Thông tin này phải được báo cáo, công bố trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK, VSDC. Đồng thời, Công Ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty về giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII (Thông tư 18/2025/TT-BTC);
 - d. Thời hạn công bố là trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc thời hạn nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức phải thanh toán tiền cho Công Ty theo quy định của pháp luật và quy định của Công Ty.

Điều 5. Công bố thông tin khi Công Ty phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng

1. Công Ty phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng.
2. Công Ty phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin các nội dung sau:
 - a. Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo thường niên và Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu theo quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 10 Thông Tư 96;
 - b. Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, Công Ty phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:
 - (i) Công Ty phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên;

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HĐQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

- (ii) Định kỳ 06 tháng, Công Ty phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn **05 ngày** làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;
- c. Công Ty phải công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông Tư 96 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch;
- d. Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Thông Tư 96 và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có);
- e. Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Công Ty phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu;
- f. Công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 12 Thông tư 96.

Điều 6. Công bố thông tin khi công ty niêm yết trái phiếu doanh nghiệp

Công Ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các Điều 14, 15, 16 và 17 Thông Tư 96.

Mục 2. Nội dung công bố thông tin của đối tượng công bố thông tin khác (cổ đông lớn, người có liên quan, người nội bộ)

Điều 7. Công bố thông tin của cổ đông lớn và nhóm người có liên quan

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc khi không còn là cổ đông lớn của Công Ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công Ty, UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông Tư 96.
2. Cổ đông lớn của Công Ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công Ty, UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông Tư 96.
3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại Khoản 12 Điều 2 Quy Chế này.
4. Quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty, thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông Tư 96.
5. Quy định tại Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công Ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.
6. Công Ty công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 8. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công Ty và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của Công Ty và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo, công bố thông tin trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK và Công Ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HDQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông Tư 96, ngoại trừ trường hợp Công Ty là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch khi thực hiện chuyển quyền sở hữu theo quy định tại Điểm q2 Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2020/TT-BTC.
Trường hợp Công Ty thực hiện bán cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán đối với số cổ phiếu nhận về trên tài khoản tự doanh theo quy định tại Khoản 9 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC, việc miễn trừ công bố thông tin được áp dụng cho giao dịch thực hiện trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày cổ phiếu về tài khoản tự doanh của Công Ty quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC;
 - b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;
 - c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại Điểm b Khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;
 - d. Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải bảo đảm từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;
 - e. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông Tư 96;
 - f. Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 7 Quy Chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 7 Quy Chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 7 Quy Chế này.
 3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại Điểm a, b và d Khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp Công Ty bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này.

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HĐQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công Ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này.
5. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều Lệ Công Ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công Ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công Ty phải công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty.

Điều 9. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và Công Ty bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

Mục 3. Chế độ báo cáo

Điều 10. Chế độ báo cáo

1. Việc thực hiện chế độ báo cáo của Công Ty phải đầy đủ, kịp thời và phản ánh chính xác tình hình thực tế của Công Ty.
2. Báo cáo tháng, quý, bán niên: Công Ty phải gửi báo cáo định kỳ bằng tệp dữ liệu điện tử cho UBCKNN, SGDCK, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia thông qua hệ thống thông tin của UBCKNN, SGDCK, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia theo các thời hạn và quy định như sau:
 - a. Trong vòng 05 ngày làm việc của tháng tiếp theo, Công Ty phải gửi Báo cáo tình hình hoạt động tháng theo mẫu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II Thông Tư 121;
 - b. Trong vòng 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Công Ty phải gửi Báo cáo tài chính quý. Trường hợp Công Ty phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất, Công Ty phải gửi báo cáo tài chính quý hợp nhất trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý;
 - c. Trong vòng 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, Công Ty phải gửi báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06 đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Trường hợp Công Ty phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất, Công Ty phải gửi báo cáo tài chính bán niên hợp nhất đã được soát xét trong vòng 60 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính.
3. Báo cáo năm:
 - a. Trước ngày 20/01 của năm tiếp theo, Công Ty phải gửi báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động của Công Ty theo mẫu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II Thông Tư 121.
 - b. Trước ngày 31/03 của năm tiếp theo, Công Ty phải gửi UBCKNN báo cáo tài chính năm và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán được chấp thuận. Trường hợp Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất, Công Ty phải gửi báo cáo tài chính năm hợp nhất đã được kiểm toán trong vòng 100 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Báo cáo tài chính của Công Ty gửi UBCKNN quy định tại Khoản 2, 3 Điều này phải đầy đủ các thành phần và nội dung theo quy định của pháp luật kế toán quy định đối với công ty chứng khoán.
5. Trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến kiểm toán ngoại trừ chưa nêu chi tiết khoản mục ngoại trừ và lý do ngoại trừ, Công Ty phải có văn bản giải trình và có xác nhận của kiểm toán gửi UBCKNN chậm nhất 30 ngày kể từ ngày gửi báo cáo theo quy định tại Điểm c Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.
6. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi xảy ra các sự kiện dưới đây, Công Ty phải báo cáo UBCKNN bằng văn bản:

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Mã hiệu:	Ngày ban hành: 24/09/2026
Số hiệu: 01/2026/TPS/QC-CBTT.HĐQT	Ngày hiệu lực: 24/09/2026

- a. Vay, đầu tư vượt quá hạn mức quy định tại Điều 26 và Điều 28 Thông Tư 121;
 - b. Ngày trụ sở chính Công Ty, chi nhánh, phòng giao dịch của Công Ty khai trương hoạt động.
7. Báo cáo quản trị rủi ro: Trước ngày 31/01 và 31/07 hàng năm, Công Ty phải gửi báo cáo năm, báo cáo 06 tháng về hoạt động quản trị rủi ro theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông Tư 121.
 8. Báo cáo theo yêu cầu: Trường hợp cần thiết, UBCKNN, SGDCK có quyền yêu cầu Công Ty báo cáo bằng văn bản, trong đó nêu rõ nội dung và thời hạn báo cáo.

